

Bản án số:59/2017/HSST
Ngày 26 tháng 10 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các hội thẩm nhân dân: Ông Khương Trung Thành

Ông Lê Văn Hùng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: bà Lại Phương Thúy, cán bộ Toà án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Công Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2017/HSST ngày 11 tháng 10 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (tên gọi khác: L), sinh ngày 14/11/1987

Nơi cư trú: thôn Tây H, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH TM & XD Tiến Tuấn; trình độ văn hóa 12/12; bố đẻ: Nguyễn Thanh H, sinh năm 1964 ; mẹ đẻ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 ; vợ: Đỗ Thị L, sinh năm 1994; con: có 01 con sinh năm 2016. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án; Tiền sự: Không

Tiền sử

Ngày 21/02/2012 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 04 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. T chấp hành xong các quyết định của bản án (đặc xá ngày 30/8/2013).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2017 đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Anh Kiều Kim Ch, sinh năm 1968 (có mặt)

Chị Phạm Thị H, sinh năm 1971 (có mặt)

Đều cư trú: thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Thanh V, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1973 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Tây H, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng tháng 6/2017, Nguyễn Văn T (tên gọi khác L) đi đến khu vực thôn H, xã B và thấy có đôi cây bạch đàn không có người trông coi, T nảy sinh ý định lừa bán cây cho người khác nhằm lấy tiền tiêu sài cá nhân. Ngày 11/7/2017, T nói với Nguyễn Văn L, sinh năm 1973 ở xã T, huyện L là có khu đôi cây bạch đàn muốn bán và nhờ L giới thiệu người mua, T hứa nếu bán được sẽ cho L tiền công. T đã đưa anh L đến đôi cây bạch đàn của anh Trần Thanh V ở thôn H, xã B và nói với anh L đây là đôi cây của T muốn bán và đã chỉ cho anh L ranh giới để cho anh L tin tưởng. Đến buổi trưa cùng ngày, anh L gọi điện thoại cho anh Kiều Kim Ch, sinh năm 1968 và vợ anh Ch là chị Phạm Thị H, sinh năm 1971 đều ở xã Đ, huyện T (anh Ch làm nghề thu mua gỗ). Anh L nói với vợ chồng anh Ch có người ở xã B muốn bán cây và bảo lên xem cây nếu được thì mua, anh Ch tin tưởng nên đồng ý. Khoảng 15h30' cùng ngày, anh Ch cùng chị H đi xe mô tô đến xã B và được anh L đưa đến đôi cây mà trước đó T đã chỉ dẫn cho anh L biết. Vợ chồng anh Ch xem cây xong thì anh L đưa đến nhà của T. Tại đây, T nói với vợ chồng anh Ch đôi cây là của T và muốn bán số cây đó, vợ chồng anh Ch tưởng thật nên nhất trí thỏa thuận mua với giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). T viết một bản hợp đồng mua bán đôi cây và ký tên đóng dấu Công ty TNHH TM&XD Tiến Tuấn do T làm Giám đốc để vợ chồng anh Ch giao số tiền 20.000.000đ cho T, nhận tiền xong T đưa lại cho chị H 300.000đ. Sau khi thỏa thuận mua bán và giao tiền xong, anh Ch hẹn ngày khai thác cây rồi ra về. Khi vợ chồng anh Ch về, T đưa cho Lộc 3.000.000đ tiền công giới thiệu người mua cây như đã hứa ban đầu, số tiền còn lại T tiêu sài cá nhân hết.

Chiều ngày 13/7/2017, vợ chồng anh Ch cùng anh L và một số công nhân đi đến khu vực đôi cây (như trước đó đã thỏa thuận mua bán với Tuấn) tại thôn H, xã B để tiến hành khai thác, anh Ch có gọi điện nói với T “lên để mọi người còn chặt cây” và T trả lời “các chú cứ khai thác đi có vấn đề gì cháu giải quyết hết”. Thấy vậy, anh Ch và một số công nhân đã dùng cưa chặt được 50 cây bạch đàn đổ xuống đất. Khi đang chặt cây thì có anh Trần Thanh V đến ngăn cản, anh Vân nói cho vợ chồng anh Ch biết khu vực đôi cây đó là của gia đình anh và yêu cầu mọi người đi về Công an xã B

để giải quyết. Lúc này, vợ chồng anh Ch mới biết đã bị T lừa chiếm đoạt tiền. Tại Công an xã B, anh Ch đã bồi thường cho anh V tiền đổi với 50 cây bạch đàn bị chặt là 3.200.000đ, anh V nhận tiền đầy đủ và không đề nghị xử lý đối với anh Ch, chị H. Nhận được đơn tố cáo của anh Kiều Kim Ch, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L triệu tập T đến làm việc, bản thân T đã khai nhận rõ hành vi lừa chiếm đoạt tiền của vợ chồng anh Ch.

Ngày 26/7/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 137, trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L định giá 50 cây bạch đàn bị chặt của gia đình anh Trần Thanh V. Ngày 31/7/2017 Hội đồng định giá tài sản trong hình sự huyện L có kết luận số: 120/KL-HĐĐG kết luận: Trị giá 50 cây bạch đàn của gia đình anh Trần Thanh V là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn).

Sau khi sự việc xảy ra, Nguyễn Văn T và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho vợ chồng anh Kiều Kim Ch số tiền 21.000.000 (Hai mươi một triệu), anh Nguyễn Văn L đã trả lại anh Ch số tiền 3.000.000đ mà trước đó T đưa cho anh. Đến nay, anh Ch, anh V không yêu cầu T phải bồi thường gì.

Cáo trạng số: 63/KSĐT-KT ngày 10 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 15 đến 18 tháng tù và đề nghị xử lý vật chứng:

Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại anh Trần Thanh V 50 cây bạch đàn.

Xác nhận anh Kiều Kim Ch đã thanh toán số tiền đổi với 50 cây bạch đàn bị chặt cho anh Trần Thanh V là 3.200.000đ; anh Nguyễn Văn Lộc đã trả lại anh Kiều Kim Ch, chị Phạm Thị H số tiền 3.000.000đ.

Xác nhận Nguyễn Văn T và gia đình đã bồi thường cho anh Kiều Kim Ch, chị Phạm Thị H số tiền 21.000.000đ.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo thừa nhận: Khoảng 16h ngày 11/7/2017, tại xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn T đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền

20.000.000đ của vợ chồng anh Kiều Kim Ch và chị Phạm Thị H ở xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tang vật chứng đã thu hồi được và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định “Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng... thì bị phạt phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi lừa đảo của bị cáo là táo bạo, biết rõ đó không phải là tài sản của mình nhưng đã lừa dối người khác để họ tin đó là tài sản của mình và thực hiện việc mua bán. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Vì vậy, phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: không có. Bị cáo đã từng bị xử phạt tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian cần thiết để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo T thấy rằng, bị cáo không có tài sản, công việc không ổn định, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với anh Nguyễn Văn L đã giới thiệu anh Kiều Kim Ch đến mua cây của Nguyễn Văn T, anh L được T cho 3.000.000đ. Bản thân anh L không biết T có hành

vì gian dối để lừa bán đồi cây, nên anh đã nhận số tiền của bị cáo T đưa cho, anh L đã trả lại anh Ch số tiền này nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý anh L là có căn cứ.

Đối với anh Kiều Kim Ch và chị Phạm Thị H đã cưa chặt 50 cây bạch đàn của anh Trần Thanh V, anh Ch đã thanh toán cho anh V số cây bạch đàn bị chặt số tiền 3.200.000đ, anh V không có yêu cầu gì khác. Hành vi đó không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Cơ quan điều tra đã trả lại anh Vân 50 cây bạch đàn là đúng chủ sở hữu.

Đối với số tiền bị cáo T lừa của anh Ch, chị H, bị cáo T và bà H (mẹ đẻ bị cáo) đã tự nguyện bồi thường cho vợ chồng anh Ch số tiền 21.000.000đ, anh Ch không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33; khoản 2 Điều 41; khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự. Điều 76; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Nguyễn Văn T (tức L) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 01/8/2017.

Xác nhận ngày 02/8/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả lại cho anh Trần Thanh V 50 cây bạch đàn là đúng chủ sở hữu.

Xác nhận ngày 13/7/2017, anh Kiều Kim Ch đã thanh toán cho anh Trần Thanh V số tiền đối với 50 cây bạch đàn bị chặt là 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng). Anh Nguyễn Văn L đã trả lại anh Kiều Kim Ch, chị Phạm Thị H số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng)

Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn T và gia đình đã bồi thường cho anh Kiều Kim Ch và chị Phạm Thị H số tiền 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng).

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND L
- THA L
- Công an L
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc
- Bị cáo+ Bị hại, người có QLNVLQ
- Lưu HS+Vp

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Minh Hiệp